

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lò Văn Trục

2. Ông: Lương Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân huyện BT, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT tham gia phiên tòa:

Ông: Nguyễn Văn Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện BT, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1977

Trú tại: Thôn V, xã A, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa;

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm: 1978

Trú tại: Thôn V, xã A, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa;

Quê quán và nơi ở hiện nay: Thôn M, xã Đ, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2023, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới theo tập quán từ năm 2002, đến ngày 22/01/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Điền Quang để làm hồ sơ đi học cho con. Hôn nhân hạnh phúc được 02 năm đầu, sau đó do anh L nghiện rượu nên không chịu khó làm ăn, thường xuyên say xỉn, chửi bới, đánh đập vợ con, chị không chịu được nên năm 2010 chị đã mang theo con bỏ về nhà ngoại tại Ái Thượng để sinh sống, anh L chạy theo,

hứa sửa chữa, thay đổi, chỉ vì thương con, muốn gìn giữ gia đình nên đồng ý đoàn tụ, nhưng anh L chỉ thay đổi được thời gian ngắn sau đó vẫn chứng nào tật nấy, say sấn, chửi bới, đánh đập vợ con, nhiều khi còn dùng dao đe dọa. Vì vậy, từ năm 2020 chị đã ly thân với anh L tình cảm vợ chồng không còn, tuy vẫn sống chung nhà nhưng việc ai người nấy làm, mình chị lo lắng cho gia đình, gần đây nhất vào ngày mùng 6 tết anh L còn mang gái về nhà, chị đã báo cáo chính quyền địa phương đề giải quyết. Xét thấy không thể tiếp tục chịu đựng người chồng như vậy nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện BT giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Văn Đ, sinh ngày 21/9/2003. Hiện đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh L đến tòa để làm bản tự khai nhưng anh L vắng mặt nên không có lời khai của anh L trong hồ sơ vụ án. Chị H đề nghị không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L. Anh L cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, biên bản xác minh và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ các điều 227, 228, 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147- BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Văn Đ, sinh ngày 21/9/2003. Hiện đã thành niên miễn xét.

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh L đều có hộ khẩu ở huyện BT, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện BT được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhiều lần đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2018 tại UBND xã Diên Quang, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh L rượu chè, không chịu khó làm ăn, đôi khi anh L còn có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn L.

4] Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Văn Đ, sinh ngày 21/9/2003. Hiện đã thành niên miễn xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn L.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Bùi Văn Đ, sinh ngày 21/9/2003. Hiện đã thành niên miễn xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT theo biên lai số: AA/2022/0001999 ngày 14/02/20223. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BT;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện BT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Nga